

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Địa chỉ: 74F3 Khu ĐTM Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, Hà Nội



**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ: IV NĂM 2012

Gồm các biểu:

- 1. Bảng Cân đối kế toán Hợp nhất**
- 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất**
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Hợp nhất**
- 4. Thuyết minh báo cáo tài chính Hợp nhất**

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số dư cuối kỳ	Số dư đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		66.774.063.088	118.348.455.867
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	11.604.636.220	12.552.068.136
Tiền	111		11.604.636.220	12.552.068.136
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.377.565.011	100.581.461.842
1. Phải thu khách hàng	131	VI.2	47.354.576.178	52.545.973.009
2. Trả trước cho người bán	132	VI.3	18.000.000	25.018.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn (tạm ứng)	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xi	134		-	-
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.4	4.988.833	23.017.488.833
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.321.325.295	-
Hàng tồn kho	141	VI.5	3.321.325.295	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.470.536.562	5.214.925.889
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.4	-	-
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		270.536.562	1.014.925.889
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	VI.5	-	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.6	4.200.000.000	4.200.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		246.514.400.244	139.562.167.941
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.15	-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212	V.16	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.17	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.18	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.19	-	-
II. Tài sản cố định	220		8.878.922.150	7.940.962.574
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	5.380.499.978	100.560.402
Nguyên giá	222		5.642.348.789	275.217.639
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(261.848.811)	(174.657.237)



CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2012

2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.8	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.8	3.498.422.172	7.840.402.172
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		237.500.000.000	131.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.9	237.500.000.000	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.10	-	131.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.28	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		135.478.094	121.205.367
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		70.622.180	70.622.180
3. Tài sản dài hạn khác	268	VI.11	64.855.914	50.583.187
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		313.288.463.332	257.910.623.808

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		80.338.109.053	92.941.242.542
I. Nợ ngắn hạn	310		80.338.109.053	92.941.242.542
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.10	-	-
1. Phải trả người bán	312	VI.12	73.247.190.561	89.156.835.005
2. Người mua trả tiền trước	313		-	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.13	6.010.822.026	3.784.407.537
4. Phải trả người lao động	315	VI.13	-	-
5. Chi phí phải trả	316	VI.14	-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
3. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		-	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.080.096.466	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.44	-	-
1. Vay và nợ dài hạn	334	VI.16	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	VI.15	-	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	V.48	-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		232.950.354.279	164.969.381.266
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.14	232.950.354.279	164.969.381.266
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		216.000.000.000	156.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.132.896.466	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		566.448.233	-
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.251.009.580	8.969.381.266
10. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
10. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2012

II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	432	V.51	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	V.52	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		313.288.463.332	257.910.623.808

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công vật tư			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược			
Nợ khó đòi đã xử lý			
Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)			
- Euro (EUR)			
- Dollar Singapore (SGD)			
- Yên Nhật (JPY)			
- Dollar Úc (AUD)			
- Bảng Anh (GBP)			
- Dollar Canada (CAD)			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự toán	V.55		

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ THU HOÀI

Tổng Giám đốc



THAI BÁ HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND		Đơn vị tính: VND	
			Quý 4/2012	Quý 4/2011	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 4/2012	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 4/2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		28.539.000.000	-	125.873.474.149	139.687.695.917
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	28.539.000.000	-	125.873.474.149	139.687.695.917
4 Giá vốn hàng bán	11	VII.2	25.344.559.124	6.099.996	116.716.114.260	151.623.376.269
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.194.440.876	(6.099.996)	9.157.359.889	(11.935.680.352)
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	557.183	23.012.537.573	3.839.913.527	23.012.691.240
7 Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8 Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.4	434.917.588	176.046.872	1.467.648.353	812.523.422
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.760.080.471	22.830.390.705	11.529.625.063	10.264.487.466
11 Thu nhập khác	31		-	-	-	-
12 Chi phí khác	32	VII.5	20.185.284	19.379.034	80.775.540	-
13 Lợi nhuận khác	40		(20.185.284)	(19.379.034)	(80.775.540)	-

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

Ngày 23/12/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2012

14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.739.895.187	22.811.011.671	11.448.849.523	10.264.487.466
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	113.994.310	2.608.939.504	2.323.588.208	2.608.939.504
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.625.900.877	20.202.072.167	9.125.261.315	7.655.547.962

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ THU HOÀI



CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ IV NĂM 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		152.192.993.188	98.500.075.335
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(188.883.532.054)	(84.630.820.236)
- Tiền chi trả cho người lao động	3		(2.506.193.000)	(691.370.000)
- Tiền chi trả lãi vay	4		-	-
- Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(100.173.719)	(14.453.184)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		191.581.859.946	113.831.723.312
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(111.815.164.552)	(72.783.940.096)
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		40.469.789.809	54.211.215.131
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(431.620.000)	(10.726.364)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(51.500.000.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV khác	24		131.500.000.000	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(237.500.000.000)	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.839.913.527	115.905
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(102.591.706.473)	(51.510.610.459)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ SH	31		60.000.000.000	-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		60.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.121.916.664)	2.700.604.672
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.552.068.136	9.851.463.464
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	10.430.151.472	12.552.068.136

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ THU HOÀI



CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2012

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2012 của Công ty Cổ Phần Luyện Kim Phú Thịnh (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh:

- Kinh doanh bất động sản bao gồm: Đầu tư, xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung, tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại.
- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô.
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi và công nghiệp.
- Lập các dự án và đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến khoáng sản và luyện kim (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình).
- Mua bán khoáng sản, các thiết bị máy móc khai khoáng, chế biến khoáng sản và luyện kim.
- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm).

3. Công ty con được hợp nhất của Công ty

- Số lượng các Công ty con: 01 Công ty
- Số lượng Công ty con được hợp nhất: 01 Công ty
- ✓ Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Và Luyện Kim Thăng Long - Nghệ An
 - Địa chỉ: Số 20 Nguyễn Thái Học, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
 - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Báo cáo tài Quý IV năm 2012 thuộc năm tài chính thứ 05 (năm) của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/2007TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007.

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2012

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Nhật ký chung.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mà Công ty nắm giữ cổ phần chi phối tại ngày 30 tháng 09 năm 2012. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với Công ty con đã được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo Hóa đơn chứng từ.

4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở thời điểm hiện tại.

Phương pháp hạch toán: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

5. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2012

Phương pháp khấu hao áp dụng

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009.

Số năm khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

Nhóm TSCĐ	Số năm khấu hao
Máy móc thiết bị	04 – 05
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05

6. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Quý III năm 2012, Công ty kinh doanh có lãi nên phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp với thuế suất được áp dụng là 25%.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi hàng hóa được chuyển giao quyền sở hữu, xuất hóa đơn giá trị gia tăng và khách hàng đồng ý thanh toán.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

10. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.6

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(a) Tiền mặt	11.591.273.010	12.546.974.717
Công ty CP Luyện Kim Phú Thịnh	1.727.912.257	3.776.717.339
Công ty TNHH MTV KS và LK Thăng Long - Nghệ An	9.863.360.753	8.770.257.378
(b) Tiền gửi ngân hàng – VND	13.363.210	5.093.419
Công ty CP Luyện Kim Phú Thịnh	11.954.422	2.997.997
Công ty TNHH MTV KS và LK Thăng Long - Nghệ An	1.408.788	2.095.422
Công tiền và các khoản tương đương tiền	11.604.636.220	12.552.068.136

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2012

2. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty CP Luyện Kim Phú Thịnh</i>	47.354.576,178	52.545.973,009
<i>Công ty TNHH MTV KS và LK Thăng Long - Nghệ An</i>	-	-
Cộng	47.354.576,178	52.545.973,009

3. Trả trước cho người bán

<i>Công ty CP Luyện Kim Phú Thịnh</i>		
<i>Công ty TNHH MTV KS và LK Thăng Long - Nghệ An</i>	18.000.000	25.018.000,000
Cộng	18.000.000	25.018.000,000

4. Các khoản phải thu khác

<i>Công ty CP Luyện Kim Phú Thịnh</i>	4.988.833	23.017.488,833
<i>Công ty TNHH MTV KS và LK Thăng Long - Nghệ An</i>		
Cộng	4.988.833	23.017.488,833

5. Hàng tồn kho

<i>Công ty CP Luyện Kim Phú Thịnh</i>	3.321.325,295	
<i>Nguyên vật liệu</i>	1.197.836,915	
<i>Hàng hóa</i>	2.123.488,380	
<i>Công ty TNHH MTV KS và LK Thăng Long - Nghệ An</i>		
Cộng	0	0

6. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng của cán bộ nhân viên phục vụ công việc

<i>Công ty TNHH MTV KS và LK Thăng Long - Nghệ An</i>	4.200.000,000	4.200.000,000
Cộng	4.200.000,000	4.200.000,000

7. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Tại ngày đầu năm	245.634.132	10.726.364	18.857.143	275.217.639
2. Tăng trong kỳ	-	-	5.367.131,150	5.367.131,150
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Tại ngày cuối kỳ	245.634.132	10.726.364	5.385.988,293	5.642.348,789
II. Hao mòn lũy kế				
1. Tại ngày đầu năm	161.114.688	2.542.549	11.000.000	174.657,237
2. Tăng trong kỳ	79.844.704	3.575.460	3.771.410	87.191,574
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Tại ngày cuối kỳ	240.959.392	6.118.009	14.771.410	261.848,811
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	84.519.444	8.183.815	7.857.143	100.560,402

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2012

Nguyên giá Tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng : không có

Giá trị còn lại của Tài sản cố định mang đi cầm cố thế chấp các khoản vay: không có

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu năm
<i>Công ty CP Luyện kim Phú Thịnh</i>	431.620.000	4.773.600.000
Chi phí đường bê tông dự án Mỏ Eo Dông	431.620.000	4.773.600.000
<i>Công ty TNHH MTV KS và LK Thăng Long - Nghệ An</i>	3.399.640.892	3.399.640.892
Chi phí đầu tư khai thác mỏ Võ Nguyên	2.421.642.832	2.421.642.832
Chi phí đầu tư khai thác mỏ Tổng Phái	549.807.994	549.807.994
Chi phí đầu tư khai thác mỏ Bản Can	428.190.066	428.190.066
Cộng	3.831.260.892	8.173.240.892

9. Đầu tư dài hạn khác

<i>Công ty CP Luyện kim Phú Thịnh</i>		
(a) Công ty CP Chi Kẽm Yên Bái	167.500.000.000	
(b) Công ty TNHH MTV XNK Yên Bái Lào Cai	70.000.000.000	
(c) Tiền cho Ông Lê Văn Cương vay		131.500.000.000
Cộng	237.500.000.000	131.500.000.000

10. Tài sản dài hạn khác

	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu năm
<i>Công ty TNHH MTV KS và LK Thăng Long - Nghệ An</i>	50.583.187	50.583.187
Ký quỹ phục hồi môi trường	50.583.187	50.583.187
Cộng	50.583.187	50.583.187

11. Phải trả cho người bán

<i>Công ty CP Luyện Kim Phú Thịnh</i>	73.247.190.561	89.156.835.005
Cộng	73.247.190.561	89.156.835.005

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2012	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số dư 31/12/2012
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.779.418.704	2.323.588.208	97.173.719	6.005.833.193
Thuế thu nhập cá nhân	4.988.833	-	-	4.988.833
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
- Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Cộng	3.784.407.537	2.329.588.208	103.173.719	6.010.822.026

• Thuế giá trị gia tăng

- Công ty áp dụng Luật Thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.
- Phương pháp tính thuế: Phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất 10%: Hàng bán trong nước.

• Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2012

- Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

13. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiết biến động vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm	156.000.000.000	-	-	8.969.381.266	164.969.381.266
Tăng vốn trong kỳ	60.000.000.000	-	-	-	60.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	6.281.628.314	6.281.628.314
Trích lập các quỹ	-	1.132.896.466	566.448.233	-	1.699.344.699
Số dư cuối kỳ	216.000.000.000	1.132.896.466	566.448.233	15.251.009.580	232.950.354.279

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu năm
Lợi nhuận chưa phân phối Quý trước chuyển sang	0	8.969.381.266
Lợi nhuận chưa phân phối phát sinh kỳ này	6.281.628.314	
Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế	17.795.640.354	
Phân phối lợi nhuận năm 2011	2.832.241.165	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	1.132.896.466	
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	1.132.896.466	
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	566.448.233	
Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang kỳ sau	17.610.592.977	

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý IV năm 2012	Quý IV năm 2011
Doanh thu bán hàng	28.539.000.000	
Các khoản giảm trừ doanh thu	0	-
Cộng doanh thu thuần	28.539.000.000	

2. Giá vốn hàng bán

	25.344.559.124	6.099.996
Giá vốn hàng bán		
Cộng	25.344.559.124	6.099.996

3. Doanh thu tài chính

	538.435	18.748
Lãi tiền gửi Ngân hàng		
Lãi cho vay		
Cộng	538.435	18.748

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2012

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý IV năm 2012</u>	<u>Quý IV năm 2011</u>
Chi phí nhân viên quản lý	245.323.000	172.750.000
Chi phí khấu hao	1.612.614	893.865
Thuế, phí, lệ phí	-	-
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	484.000	-
Chi phí bằng tiền khác	187.497.974	2.403.007
Cộng	434.917.588	176.046.872

5. Chi phí khác

Chi phí khác	14.272.727	-
Cộng	14.272.727	0

6. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2.739.895.187	22.811.011.671
- Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	-	-
- Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	-
- Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	2.784.789.473	22.847.108.260
- Thuế suất thuế TNDN phải nộp	25%	25%
- Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	113.994.310	2.608.939.504

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty Cổ phần Luyện Kim Phú Thịnh hoạt động kinh doanh tại Thành phố Hà Nội. Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Và Luyện Kim Thăng Long - Nghệ An (công ty con) hoạt động kinh doanh tại Tỉnh Nghệ An.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	<u>Năm 2012</u>
Tại Thành phố Hà Nội	125.873.474.149
Tại Tỉnh Nghệ An	-
Cộng	125.873.474.149

2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính	300.664.201.231	223.815.529.978	300.664.201.231	223.815.529.978
- Tiền và các khoản tương đương tiền	11.604.636.220	12.552.068.136	11.604.636.220	12.552.068.136

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2012

- Các khoản phải thu khác	4.204.988.833	27.217.488.833	4.204.988.833	27.217.488.833
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	237.500.000.000	-	237.500.000.000	-
- Đầu tư dài hạn khác	-	131.500.000.000	-	131.500.000.000
Cộng	300.664.201.231	223.815.529.978	300.664.201.231	223.815.529.978
Nợ phải trả tài chính	73.247.190.561	89.156.835.005	73.247.190.561	89.156.835.005
- Phải trả cho người bán	73.247.190.561	89.156.835.005	73.247.190.561	89.156.835.005
- Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	73.247.190.561	89.156.835.005	73.247.190.561	89.156.835.005

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam. Các ngân hàng này đều là các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2012

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm/kỳ				
- Phải trả cho người bán	73.247.190.561	-	-	73.247.190.561
- Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	73.247.190.561	-	-	73.247.190.561
Số đầu năm	89.156.835.005	-	-	89.156.835.005
- Phải trả cho người bán	-	-	-	-
- Các khoản phải trả khác	89.156.835.005	-	-	89.156.835.005
Cộng				

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5. Thông tin so sánh

- Số liệu đầu kỳ được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.

- Kết quả Lợi nhuận sau thuế Quý 3 năm 2012 tăng so với Quý 3 năm 2011

So sánh kết quả kinh doanh Quý 4 năm 2012 với Quý 4 năm 2011 thấy: kết quả lợi nhuận sau thuế Quý 4 năm 2011 lãi: 18.152.798.045đ so với Quý 4 năm 2012 vì những nguyên nhân sau:

Doanh thu Quý 4 năm 2011 toàn bộ là Doanh thu từ hoạt động tài chính (lãi tiền cho vay) nên mức Doanh thu và lợi nhuận rất cao và chi phí thì rất thấp. Năm 2012 đơn vị đã áp dụng chính sách chuyển dịch cơ cấu hàng bán, cải tiến phương pháp kinh doanh, đẩy mạnh đầu tư phát triển ngành nghề chính của Công ty phát triển nhằm tạo chỗ đứng trên thị trường.

6. Nghiệp vụ các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Bà Nguyễn Thị Hoa	Cổ đông
Bà Trịnh Thị Hòa	Cổ đông
Ông Ngô Văn Hiến	Cổ đông
Ông Nguyễn Văn Dũng	Cổ đông
Ông Vũ Văn Hải	Cổ đông
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Cổ đông
Bà Lê Thị Oanh	Cổ đông
Bà Vũ Thị Thu	Cổ đông
Nhà đầu tư khác	Cổ đông

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2012

Trong năm, Công ty có phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan chi tiết như sau:

Bên liên quan	Vốn góp ngày 01/01/2012	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ (*)	Vốn góp ngày 31/12/2012
Ông Nguyễn Thị Hoa	124.800.000.000	48.000.000.000	167.800.000.000	5.000.000.000
Bà Trịnh Thị Hòa	23.400.000.000	9.000.000.000	32.400.000.000	0
Ông Ngô Văn Hiến	7.800.000.000	3.000.000.000	10.790.000.000	10.000.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Ông Vũ Văn Hải	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Bà Lê Thị Oanh	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Bà Vũ Thị Thu	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Nhà đầu tư khác	-	160.990.000.000	-	160.990.000.000
Cộng	156.000.000.000	270.990.000.000	210.990.000.000	216.000.000.000

(*) Giảm trong kỳ là các cổ đông cũ chuyển nhượng vốn cho các cổ đông mới

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ THU HOÀI



Tổng Giám đốc

THAI BÁ HIỀN

